

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN  
VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON**



## MỤC LỤC

---

	Trang
1 - Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	01 - 04
2 - Báo Cáo Kiểm toán	05
3 - Bảng Cân Đối Kế Toán hợp nhất	06 - 08
4 - Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh hợp nhất	09
5 - Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ hợp nhất	10 - 11
6 - Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính hợp nhất	12 - 33
7 - Báo cáo bộ phận	34
8 - Phụ lục 01: Bảng cân đối kế toán Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	35 - 37
9 - Phụ lục 02: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	38

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình bản báo cáo này cùng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Hải và công ty con.

### 1. Thông tin chung về công ty

#### Thành lập

Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải trước đây là Công ty CP Đầu tư & Vận tải dầu khí Vinashin hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001280 ngày 08 tháng 08 năm 2002 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002016 ngày 30 tháng 12 năm 2003 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303154993 thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 7 năm 2010 công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

**Hình thức sở hữu vốn:** công ty cổ phần.

#### Hoạt động chính của công ty

Đầu tư xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công nghiệp và dân dụng. Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí. Cung cấp vật tư thiết bị, máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Đại lý khai thác, dịch vụ và hoa tiêu hàng hải Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển. Môi giới hàng hải. Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển. Sang chiết gas. Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi. Môi giới bất động sản. Kinh doanh nhà. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhịp điệu, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt. Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh). Phá dỡ tàu cũ. Mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở). Dịch vụ giao nhận hàng hoá. Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở).

Đào tạo nghề. Dịch vụ giới thiệu việc làm. Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

Bổ sung: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ rừng trồng; Khai thác lâm sản từ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Khai thác và thu gom than cứng – than non; Khai thác quặng sắt, quặng uranium, quặng thorium, quặng bô – xít, quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng chất và phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm bằng tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy; giấy và bìa; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cất tạo móng và hoàn thiện đá;

Đóng tàu và cấu kiện nổi: Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện vận tải); Thoát nước và xử lý nước thải; Tái chế phế liệu;



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Xây dựng nhà các loại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí đối, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh).

**Mã chứng khoán niêm yết:** VSP

**Trụ sở chính:** Phòng 2004 - 2009 Cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

**Đặc điểm hoạt động của các Công ty con trong kỳ kế toán:**

1. Công ty TNHH một thành viên kinh doanh Dầu khí Việt Hải: là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Địa chỉ: Tầng 8 Nhà khách Hải quân, Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

2. Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Nam Việt: là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

Công ty đang trong giai đoạn tiến hành quyết toán thuế và hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp

3. Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.: là công ty với 70% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

Thời gian đầu tư là 50 năm, trong đó, vốn đầu tư của công ty mẹ là 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ là 70,00% trên tổng nguồn vốn góp của công ty con.

Hoạt động chính của công ty là đại lý dịch vụ hàng hải và tàu biển.

4. Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hải Nam Việt: là công ty với 80% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200881761 ngày 19 tháng 03 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Địa chỉ: KM số 3, quốc lộ 1A, phường Cam Phú, thị xã Cam Ranh, Khánh Hòa.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh tổng thầu đóng mới tàu thủy, dàn khoan, thiết bị và phương tiện nổi. Sản xuất lắp ráp trang thiết bị tàu thủy; sửa chữa tàu thủy, dàn khoan, thiết bị và phương tiện nổi. Phá dỡ tàu cũ, lắp ráp, phục hồi, sửa chữa thiết bị giao thông vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Kinh doanh dịch vụ cảng và cảng biển. bốc xếp hàng hóa. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ lai dắt tàu biển. Vận tải đường thủy nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu thiết bị giao thông vận tải; nạo vét luồng lạch. San lấp tạo bãi, mặt bằng xây dựng.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lưu Quyết Thắng	Chủ tịch	31/03/2008	-
Ông Nguyễn Duy Hùng	Ủy viên	02/09/2002	-
Ông Đỗ Văn Phêch	Ủy viên	08/12/2005	16/06/2010
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên	Thành viên	06/04/2008	-
Ông Bùi Thạch Sơn	Thành viên	29/06/2009	-
Ông Đỗ Đức Tuấn	Thành viên	16/06/2010	-

#### Ban Kiểm Soát

Ông Lưu Văn Hợp	Trưởng Ban	08/09/2002	-
Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên	29/06/2009	-
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên	16/06/2010	-

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng gồm:

Ông Nguyễn Duy Hùng	Tổng Giám đốc	08/09/2002	-
Ông Bùi Thạch Sơn	Phó Tổng Giám đốc	31/01/2005	-
Bà Đinh Thị Hằng Nga	Phó Tổng Giám đốc	11/06/2007	-
Bà Nguyễn Thị Hải Tạo	Kế toán trưởng	07/10/2008	-

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2011

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

Tổng Giám Đốc





Số: 0710433/AISC-DN1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ  
CÔNG TY CON**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.**

**Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2011 của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và công ty Con từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và công ty Con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2011

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**ĐẬU NGUYỄN LÝ HẰNG**

Số Chứng chỉ KTV: 1169/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**PHẠM THỊ HỒNG UYÊN**

Số Chứng chỉ KTV: 0794/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang: 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho: 5Đ, 30/4 St., Ninh Kieu Dist, Can Tho City.

Representative in Hai Phong: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscct@dng.vnn.vn

Trang 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			31/12/2010	01/01/2010
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>747.078.165.243</b>	<b>773.997.237.879</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.073.269.524</b>	<b>10.197.321.935</b>
1. Tiền	111		5.073.269.524	10.197.321.935
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>658.972.161.974</b>	<b>688.841.783.152</b>
1. Phải thu khách hàng	131		65.713.044.714	22.803.653.537
2. Trả trước cho người bán	132		578.740.766.502	655.561.233.620
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>V.2</b>	14.518.350.759	16.476.895.995
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(6.000.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>54.586.495.613</b>	<b>49.488.286.472</b>
1. Hàng tồn kho	141		54.586.495.613	49.488.286.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.4</b>	<b>28.446.238.131</b>	<b>25.469.846.320</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.811.732.511	1.972.352.142
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.555.695.745	21.581.165.744
3. Các khoản thuế phải thu	154		3.551.988.116	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.526.821.759	1.916.328.434
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.634.554.311.446</b>	<b>2.690.711.024.096</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.180.000</b>	<b>11.680.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	213		6.180.000	11.680.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.430.561.543.408</b>	<b>2.583.391.609.807</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.5.1</b>	1.904.783.265.190	2.070.533.367.003
- Nguyên giá	222		2.515.049.419.854	2.511.402.304.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(610.266.154.663)	(440.868.937.054)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.5.2</b>	5.948.388.860	6.475.722.200
- Nguyên giá	228		10.487.000.000	10.487.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.538.611.140)	(4.011.277.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.6</b>	519.829.889.358	506.382.520.604

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.7</b>	<b>67.443.427.116</b>	<b>6.280.927.116</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		65.800.000.000	4.637.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.643.427.116	1.643.427.116
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>136.543.160.922</b>	<b>101.026.807.173</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.8</b>	133.146.416.038	97.245.622.120
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>V.15</b>	3.396.744.883	3.781.185.053
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>3.381.632.476.688</u></b>	<b><u>3.464.708.261.975</u></b>

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.206.951.794.148</b>	<b>2.292.014.125.054</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>420.095.171.201</b>	<b>459.171.535.637</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	195.215.295.159	288.340.572.338
2. Phải trả cho người bán	312		127.523.875.768	96.710.156.904
3. Người mua trả tiền trước	313		64.467.091.783	1.172.013.093
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.182.884.287	10.883.613.612
5. Phải trả công nhân viên	315		3.101.789.001	7.649.374.193
6. Chi phí phải trả	316	V.11	5.647.788.788	42.343.670.010
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	13.047.518.227	4.432.840.980
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		9.908.928.188	7.639.294.507
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.786.856.622.947</b>	<b>1.832.842.589.417</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	52.721.820.814	58.710.469.010
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	1.733.977.882.048	1.774.097.506.622
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		156.920.085	34.613.785
<b>B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.172.136.293.916</b>	<b>1.172.694.136.921</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>1.172.136.293.916</b>	<b>1.172.694.136.921</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.844.890.000	380.844.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
3. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		222.972.196	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.380.796.407	31.380.796.407
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(285.912.364.687)	(285.131.549.486)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>CLỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.544.388.625</b>	<b>-</b>
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			2.544.388.625	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.381.632.476.689</b>	<b>3.464.708.261.975</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	861.665.666.694	512.612.699.657
2. Các khoản giảm trừ	02		1.220.860.987	-
3. Doanh thu thuần	10		860.444.805.707	512.612.699.657
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	657.954.731.885	758.711.029.218
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		202.490.073.822	(246.098.329.561)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	23.033.016.634	85.858.320.117
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	172.555.098.165	161.851.164.342
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		159.472.372.343	141.088.448.070
8. Chi phí bán hàng	24		12.391.773.349	28.237.595.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.450.785.268	24.555.894.304
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(2.874.566.326)	(374.884.663.925)
11. Thu nhập khác	31		7.298.697.589	19.202.629.852
12. Chi phí khác	32		3.598.110.180	7.024.217.583
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.700.587.409	12.178.412.269
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		826.021.083	(362.706.251.656)
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	273.107.489	170.035.854
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		384.440.170	(3.281.185.053)
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		168.473.424	(359.595.102.457)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		949.288.625	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(780.815.201)	(359.595.102.457)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(21)	(13.528)

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011



NGUYỄN DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>826.021.083</b>	<b>(362.706.251.656)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	170.095.077.261	168.340.040.063
- Các khoản dự phòng	03	(6.000.000.000)	(2.146.425.699)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.942.664.677	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(211.397.828)	-
- Chi phí lãi vay	06	159.472.372.343	141.088.448.070
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</b>			
<b>3. Lưu động</b>	<b>08</b>	<b>332.124.737.536</b>	<b>(55.424.189.222)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	33.684.334.718	24.454.777.452
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.098.209.141)	50.382.545.131
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	54.072.952.771	(594.420.151.359)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.740.174.287)	(41.271.506.958)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(155.353.451.077)	(130.852.864.579)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.567.233.739)	(11.590.251.843)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	509.699.366	2.026.721.289
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(117.719.828.299)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>206.632.656.146</b>	<b>(874.414.748.388)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(17.662.905.593)	(9.072.886.289)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	102.200.961	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(61.162.500.000)	(4.637.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	155.000.000.000
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	211.397.828	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(78.511.806.804)</b>	<b>141.289.613.711</b>

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phần của DN	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	450.728.799.734	1.090.200.343.435
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(583.973.701.487)	(542.378.366.422)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(133.244.901.753)</b>	<b>547.821.977.013</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(5.124.052.411)</b>	<b>(185.303.157.664)</b>
Tiền tồn đầu kỳ	60	10.197.321.935	195.500.479.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.073.269.524</b>	<b>10.197.321.935</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO



Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Đặc điểm hoạt động của Công ty**

**Thành lập**

Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải trước đây là công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001280 ngày 08 tháng 08 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002016 ngày 30 tháng 12 năm 2003 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi so Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303154993 thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 07 năm 2010 công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần

**Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại, dịch vụ, xây dựng, sản xuất

**Ngành nghề kinh doanh**

- Đầu tư xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Cung cấp vật tư thiết bị máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng;

Đại lý khai thác dịch vụ và hoa tiêu hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển; Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Sang chiết gas; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi; Môi giới bất động sản, kinh doanh nhà; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;

Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhíp diều, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt; Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử hồ bơi, câu cá, bãi biển (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Phá dỡ tàu cũ, mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở); Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);

Đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Lập dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ rừng trồng; Khai thác lâm sản từ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Khai thác và thu gom than cứng – than non; Khai thác quặng sắt, quặng uranium, quặng thorium, quặng bô – xít, quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng chất và phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ;

Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm bằng tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy; giấy và bìa; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cốt tạo dầm và hoàn thiện đá;

Đóng tàu và cấu kiện nổi, đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí, sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện vận tải); thoát nước và xử lý nước thải; tái chế phế liệu.

Xây dựng nhà các loại; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình công ích; chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng dân dụng; hoàn thiện công trình xây dựng; hoạt động xây dựng chuyên dụng; Đại lý môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu; bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh).



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính:**

- Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-2010 do Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Đầu tư & vận tải dầu khí Vinashin thông qua ngày 16/6/2010;
- Căn cứ theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 và đăng ký thuế số 0303154993 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 05/07/2010;
- Căn cứ theo Giấy chứng nhận đã nộp mẫu dấu số SĐ1305/GCN do Công ty CP Đầu tư & vận tải dầu khí Vinashin giao nộp lại con dấu cho Phòng cảnh sát QLHC về trật tự xã hội TP Hồ Chí Minh lúc 14g30 ngày 14/7/2010;
- Căn cứ theo Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số SĐ1305/ĐKMD do Phòng cảnh sát QLHC về trật tự xã hội TP Hồ Chí Minh ký ngày 14/7/2010;

Từ ngày 05 tháng 7 năm 2010 Công ty CP Đầu tư & Vận tải dầu khí Vinashin sẽ chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải.

Tổng số nhân viên đến cuối năm: 76 người

**2. Đặc điểm hoạt động của các Công ty con**

**Công ty TNHH một thành viên kinh doanh Dầu khí Việt Hải:** là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Vốn điều lệ của công ty: 20.000.000.000 VND

Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2010: 20.000.000.000 VND

Địa chỉ: Tầng 8 Nhà khách Hải quân, Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

**Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Nam Việt:** là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

Ngày 15 tháng 08 năm 2008, công ty được công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin tiến hành bàn giao vốn và chính thức đi vào hoạt động.

Hoạt động chính của công ty là vận tải các sản phẩm hoá dầu bằng tàu biển, xe chuyên dùng; vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, viễn dương, thủy nội địa; đại lý tàu biển hàng hải; dịch vụ vận tải đường thủy, sửa chữa và bảo phương tiện vận tải ( trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ ).

Vốn điều lệ của công ty: 50.000.000.000 VND

Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2010: 50.000.000.000 VND

Địa chỉ: Số 1-5 Lê Duẩn Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đang trong giai đoạn tiến hành quyết toán thuế và hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp

**Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.:** là công ty với 70% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Vốn góp theo giấy phép đăng ký là: 500.000,00 SGD

Trong đó, công ty Cổ Phần VTB và BDS Việt Hải đăng ký góp 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ 70% trên vốn đăng ký

Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 450.000,00 SGD

Trong đó Công ty Cổ Phần VTB và BDS Việt Hải đã góp là 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ là 77,78% trên vốn thực góp

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Thời gian đầu tư là 50 năm, trong đó, tháng thứ 1 và tháng thứ 2 hoàn thành thủ tục đầu tư và chuẩn bị văn phòng, tháng thứ 3 bắt đầu triển khai hoạt động tại Singapore.

**Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hải Nam Việt:** là công ty với 80% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200881761 ngày 19 tháng 03 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh tổng thầu đóng mới tàu thủy, dàn khoan, thiết bị và phương tiện nổi. Sản xuất lắp ráp trang thiết bị tàu thủy; sửa chữa tàu thủy, dàn khoan, thiết bị và phương tiện nổi. Phá dỡ tàu cũ, lắp ráp, phục hồi, sửa chữa thiết bị giao thông vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Kinh doanh dịch vụ cảng và cảng biển. Bốc xếp hàng hóa. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ lai dắt tàu biển. Vận tải đường thủy nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu thiết bị giao thông vận tải; nạo vét luồng lạch. San lấp tạo bãi, mặt bằng xây dựng.

Vốn điều lệ theo giấy phép đăng ký là: 120 tỉ VND

Trong đó, công ty Cổ Phần VTB và BĐS Việt Hải đăng ký góp 96.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 80% trên vốn đăng ký Công ty đang thực trong quá trình thực hiện góp vốn theo tiến độ kế hoạch.

Địa chỉ: KM số 3, quốc lộ 1A, phường Cam Phú, thị xã Cam Ranh, Khánh Hòa.

**3. Tổng số các công ty con**

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 3 công ty

- Số lượng các công ty con không được hợp nhất trong năm: 1 công ty

Lý do không hợp nhất: công ty mới thành lập, đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chứng từ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### *Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty và các Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty và Công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con đã mua hoặc thanh lý trong năm tính từ ngày mua hoặc đến ngày thanh lý.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các Khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:** Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:** dự phòng nợ phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Phương pháp nhập trước xuất trước.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định (TSCĐ):

###### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Thương hiệu Vinashin được ghi nhận là TSCĐ vô hình, là giá trị do cổ đông Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam góp vốn theo thỏa thuận thành lập công ty. Thời gian khấu hao là 20 năm.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

**4.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

**4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Loại Tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, ruyền dẫn	07 - 15
Trang thiết bị văn phòng	03 - 07

**5. Nguyên tắc ghi nhận Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng các kho, đóng tàu, sửa chữa lớn,...

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính công ty mẹ theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí thành lập doanh nghiệp, tiền thuê nhà xưởng văn phòng, các khoản bảo hiểm có kỳ hạn, bảo hiểm luân chuyển, lãi mua hàng trả góp, trả chậm và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 60 tháng.

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu ích ước tính của lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác:

+ Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỉ giá hối đoái: Chênh lệch tỉ giá hối đoái trong năm từ việc chuyển đổi báo cáo từ ngoại tệ SGD sang VND theo tỉ giá cuối năm 15.951 VND/SGD được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế, riêng thuế suất của hoạt động vận tải là 20%. Công ty được miễn, giảm thuế TNDN theo nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về "Quy định chi tiết thi hành luật thuế TNDN".

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại.

**15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2010: 18.932 VNĐ/USD.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") đã áp dụng trong các năm trước, và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201 như sau:

**Nghiệp vụ**

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ

**Xử lý kế toán theo Thông tư 201**

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Xử lý kế toán theo VAS 10**

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày ở phần thuyết minh số VIII.4

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	01/01/2010
<b>Tiền</b>	<b>5.073.269.524</b>	<b>10.197.321.935</b>
Tiền mặt	2.092.872.446	1.835.458.824
Tiền gửi Ngân hàng	2.980.397.078	8.361.863.111
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.073.269.524</b>	<b>10.197.321.935</b>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy (1)	1.923.432.036	1.923.432.036
Công ty cổ phần vận tải biển Đại Hải	393.089.008	393.089.008
Công ty cổ phần lọc mớa dầu Nam Việt (2)	24.718.606	1.881.991.269
Tiền đặt cọc	-	8.752.751.900
Công ty CP vận tải biển và TM Long Sơn	3.071.171.581	-
Khoản phải thu khác	9.105.939.528	3.525.631.782
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.518.350.759</b>	<b>16.476.895.995</b>

(1) Phải thu khác của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy là:

Khoản tiền góp vốn còn phải thu của công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tại Vĩnh Phúc : 1.923.432.036 VND.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

(2) Cổ tức và các khoản phải thu của công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Nam Việt.

3. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	42.445.477.355	30.657.374.834
Công cụ, dụng cụ	760.573.665	7.468.082.734
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Hàng hóa	11.380.444.593	11.362.828.904
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>54.586.495.613</b>	<b>49.488.286.472</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>54.586.495.613</b>	<b>49.488.286.472</b>

\* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không phát sinh

\* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không phát sinh

\* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.811.732.511	1.972.352.142
Thuế GTGT còn được khấu trừ	17.555.695.745	21.581.165.744
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	3.551.988.116	-
<i>Thuế TNDN nộp thừa</i>	3.551.988.116	-
<i>Các khoản thuế khác phải thu Nhà nước</i>	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	2.526.821.759	1.916.328.434
<i>Tạm ứng</i>	2.073.460.777	1.760.795.905
<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	366.288.988	155.532.529
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	87.071.994	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.446.238.131</b>	<b>25.469.846.320</b>

5. Tài sản cố định

5.1 Tài sản cố định hữu hình: xem thuyết minh trang số 33

5.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Thương hiệu Vinashin	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	487.000.000	10.000.000.000	10.487.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>487.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.487.000.000</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	427.944.443	3.583.333.357	4.011.277.800
Khấu hao trong kỳ	-	23.999.858	503.333.482	527.333.340
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>23.999.858</b>	<b>503.333.482</b>	<b>4.538.611.140</b>
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	59.055.557	6.416.666.643	6.475.722.200
Số dư cuối kỳ	-	463.000.142	9.496.666.518	5.948.388.860
<b>6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>			<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Mua sắm tài sản cố định			272.544.808	749.738.428
Xây dựng cơ bản dở dang			396.248.174.978	335.443.043.458
<i>Dự án xây dựng khu đô thị golf Mê Linh - Vĩnh Phúc</i>			105.563.402.836	91.664.016.730
<i>Dự án Tổng kho Đình Vũ</i>			81.834.282.217	76.410.810.291
<i>Dự án đóng tàu hàng rời 54.000 DWT</i>			94.578.788.903	77.640.942.948
<i>Dự án đóng 2 tàu hàng rời 22.500 DWT</i>			52.312.107.883	37.590.845.738
<i>Dự án kho nhà bè- Quận khu 7</i>			16.018.695.057	16.018.695.057
<i>Bồn LPG</i>			8.976.984.618	8.949.089.298
<i>Cụm công nghiệp Cầu thủy - Long An</i>			12.908.127.388	7.507.518.933
<i>Dự án khu dịch vụ giải trí tổng hợp phục vụ KCN &amp; cảng Cái Lân</i>			15.108.398.592	15.051.580.410
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác</i>			8.947.387.484	4.609.544.053
Sửa chữa lớn TSCĐ			123.309.169.572	170.189.738.718
<b>Tổng cộng</b>			<b>519.829.889.358</b>	<b>506.382.520.604</b>
<b>7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>				
		<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>	
	<b>Số lượng / Tỷ lệ %</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng / Tỷ lệ %</b>	<b>Giá trị</b>
Đầu tư vào công ty con	80%	65.800.000.000	70%	4.637.500.000
<i>Cty CP dịch vụ hàng hải VN</i>	80%	65.800.000.000		-
<i>Trust Maritime Services Pte Ltd</i>		-	70%	4.637.500.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-		-
Đầu tư dài hạn khác		1.643.427.116		1.643.427.116
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>		-		-
<i>Đầu tư trái phiếu</i>		-		-
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		1.643.427.116		1.643.427.116

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.443.427.116</b>	<b>6.280.927.116</b>
<b>8. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Chi phí trả trước dài hạn	133.146.416.038	97.245.622.120
<i>Chi phí vỏ bình gas</i>	74.174.689.450	66.802.606.468
<i>Chi phí khác</i>	58.971.726.588	30.443.015.652
Tài sản dài hạn khác	-	-
<i>Ký quỹ ký cược dài hạn</i>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>133.146.416.038</b>	<b>97.245.622.120</b>
<b>9. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Vay ngân hàng	195.215.295.159	208.704.588.631
<i>Ngân hàng BIDV - Bắc Hà Nội</i>	43.420.457.710	63.361.954.085
<i>Ngân hàng BIDV - Sở giao dịch 2</i>	106.664.353.157	127.492.612.359
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	1.949.030.232	4.958.398.869
<i>Ngân hàng TM Quốc tế Việt Nam</i>	39.084.269.060	12.891.623.318
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - CN Hải Phòng</i>	277.185.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng</i>	3.820.000.000	-
Vay các tổ chức cá nhân khác	-	79.635.983.707
<i>Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam</i>	-	79.635.983.707
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>195.215.295.159</b>	<b>288.340.572.338</b>
<b>10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	354.164.428	10.371.123.461
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	828.719.859	512.490.151
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.182.884.287</b>	<b>10.883.613.612</b>
(*) Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT đầu ra như sau:		
Hoạt động kinh doanh gas	10%	
Hoạt động vận tải nội địa	5%	
Hoạt động vận tải quốc tế	0%	
<b>11. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Chi phí lãi vay	5.398.183.667	34.345.829.753
Chi phí cho các tàu	249.605.121	7.997.840.257
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.647.788.788</b>	<b>42.343.670.010</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	31/12/2010	01/01/2010
<b>12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Công đoàn Shinpetrol	1.621.859.577	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, BH thất nghiệp	1.251.383.461	1.146.756.606
Công ty P&P	-	2.515.000.000
Trần Minh Quang	3.765.292.000	-
Công ty TNHH vận tải Biển Hoa	5.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.408.983.189	771.084.374
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.047.518.227</b>	<b>4.432.840.980</b>
<b>13. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác</b>		
Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn (**)	22.721.820.814	28.710.469.010
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.721.820.814</b>	<b>58.710.469.010</b>

(\*) Khoản góp vốn của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tại Vĩnh Phúc theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 01/VNS-Shinpetrol-VFC ngày 16 tháng 08 năm 2004 giữa công ty với công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy.

(\*\*) Khoản tiền đại lý ký quỹ vỏ bình gas.

	31/12/2010	01/01/2010
<b>14. Vay và nợ dài hạn</b>		
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.602.294.585.536</b>	<b>1.524.660.637.134</b>
Vay ngân hàng (*)	1.343.128.779.141	1.379.935.294.803
+ Ngân hàng BIDV - Bắc Hà Nội	284.507.529.658	279.870.266.988
+ Ngân hàng BIDV - Sở giao dịch 2	571.154.775.000	569.963.143.751
+ Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam	144.969.503.257	160.747.012.838
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	90.100.000	-
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	342.406.871.226	369.354.871.226
Vay các tổ chức cá nhân khác (**)	259.165.806.395	144.725.342.331
+ Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy	259.165.806.395	144.725.342.331
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>131.683.296.512</b>	<b>249.436.869.488</b>
Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy	131.683.296.512	249.436.869.488
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.733.977.882.048</b>	<b>1.774.097.506.622</b>

(\*) Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng để đầu tư tài sản cố định. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*) Khoản vay công ty tài chính Công nghiệp tàu thủy từ nguồn vốn vay trái phiếu quốc tế theo lãi suất từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2010	01/01/2010
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3.396.744.883</b>	<b>3.781.185.053</b>
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.396.744.883	3.781.185.053
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.	-	-
- Khoản hoàn nhập Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.396.744.883</b>	<b>3.781.185.053</b>

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>158.700.000.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>61.737.753.258</b>	<b>229.956.640.138</b>
- Tăng vốn năm trước	7.900.000.000	-	-	-
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(359.595.102.457)
- Giảm lợi nhuận của cty CP lọc hoá dầu Nam Việt	-	-	-	(1.605.154.018)
- Bù lỗ theo quyết định HĐQT	-	-	(30.356.956.851)	60.356.956.851
- Chia cổ tức năm trước	214.244.890.000	-	-	(214.244.890.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(285.131.549.486)</b>
<b>Số dư đầu đầu năm nay</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(285.131.549.486)</b>
- Tăng vốn năm nay	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(780.815.201)
- Điều chỉnh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(285.912.364.687)</b>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2010	01/01/2010
Vốn góp của Nhà nước	39,56%	150.664.370.000	150.664.370.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	60,44%	230.180.520.000	230.180.520.000
Cổ phiếu quỹ		-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>380.844.890.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

*c. Các giao dịch về vốn: với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn góp đầu năm

Năm 2010: 380.844.890.000  
Năm 2009: 158.700.000.000

Vốn góp tăng trong năm

- 222.144.890.000

Vốn góp giảm trong năm

- -

Vốn góp cuối năm

380.844.890.000 380.844.890.000

*Cổ tức, lợi nhuận đã chia*

- (214.244.890.000)

*d. Cổ phiếu*

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

31/12/2010: 38.084.489  
01/01/2010: 38.084.489

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

38.084.489 38.084.489

Cổ phiếu phổ thông

38.084.489 38.084.489

Cổ phiếu ưu đãi

- -

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- -

Cổ phiếu phổ thông

- -

Cổ phiếu ưu đãi

- -

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

38.084.489 38.084.489

Cổ phiếu phổ thông

38.084.489 38.084.489

Cổ phiếu ưu đãi

- -

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000VNĐ/ cổ phiếu

*e. Các quỹ của doanh nghiệp*

Quỹ đầu tư phát triển

31/12/2010: 31.380.796.407  
01/01/2010: 31.380.796.407

Quỹ dự phòng tài chính

- -

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

- -

Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu

- -

**Tổng cộng**

**31.380.796.407 31.380.796.407**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

*\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán hàng hóa	228.411.961.492	173.147.350.127
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	632.522.880.862	307.531.457.607
Doanh thu bán tàu		24.914.933.333
Doanh thu khác	730.824.340	7.018.958.590
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>861.665.666.694</b>	<b>512.612.699.657</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.220.860.987	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>860.444.805.707</b>	<b>512.612.699.657</b>

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Thu lãi tiền gửi	211.397.828	799.117.251
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.821.618.806	11.589.076.036
Lợi nhuận từ bán phần vốn trong công ty CP lọc hóa dầu Nam Việt	-	53.000.000.000
Lãi đầu tư ngắn hạn	-	18.414.411.944
Cổ tức	-	1.857.272.663
Doanh thu hoạt động tài chính khác		198.442.223
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.033.016.634</b>	<b>85.858.320.117</b>

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn của hàng hóa	213.595.680.824	153.405.503.803
Giá vốn của dịch vụ vận tải đã cung cấp	444.359.051.061	592.375.502.024
Giá vốn bán tàu	-	12.930.023.391
<b>Tổng cộng</b>	<b>657.954.731.885</b>	<b>758.711.029.218</b>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí lãi tiền vay	159.472.372.343	141.088.448.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.082.725.822	20.762.716.272
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.555.098.165</b>	<b>161.851.164.342</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



## 5. Thuế TNDN hiện hành

	Năm 2010
<i>Tổng lợi nhuận (Lỗ) kế toán trước thuế</i>	826.021.083
<i>Các khoản ĐC tăng hoặc giảm LN kế toán để XD lợi nhuận chịu thuế TNDN</i>	2.849.803.812
Các khoản điều chỉnh tăng	5.925.325.170
Các khoản điều chỉnh giảm	3.075.521.358
<i>Tổng thu nhập chịu thuế</i>	3.675.824.895
<i>Hoạt động chịu thuế 10%</i>	-
<i>Hoạt động chịu thuế 25%</i>	533.552.439
<i>Hoạt động chịu thuế của Trust tại nước ngoài</i>	3.142.272.456
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	186.026.410
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay</i>	87.081.079
<i>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</i>	<u>273.107.489</u>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tháng 3 năm 2006 tàu Asean Sea 01 của Công ty đã bị chính quyền thành phố Durban, Nam Phi giam giữ do liên quan đến một vụ tranh chấp vận chuyển với đối tác nước ngoài. Công ty đã đặt cọc một số tiền có giá trị là 510.000 USD cho tòa án ở TP. Durban, Nam Phi để giải phóng tàu, đồng thời đang tiến hành thủ tục khởi kiện đối tác nước ngoài này.

Nhằm đảm bảo cho sự bình ổn giá cả cổ phiếu và dự phòng biến động chi phí, trong năm 2007, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 vào khoảng 70% khoản tiền chuyển bảo lãnh tại hiệp hội bảo hiểm các chủ tàu WOE để giải phóng tàu Asean Sea 01. Số trích lập cụ thể là 6.000.000.000 đồng.

Công ty đã hoàn nhập số cữ phòng này trong năm 2010.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

2. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Phát sinh trong kỳ	Phải thu / (phải trả) cuối kỳ
Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy	Công ty con của tập đoàn công nghiệp tàu thủy Nam	Vay dài hạn Trả tiền vay Nhận vốn góp XD khu TM & DV Vĩnh Phúc	125.030.944.166 128.344.053.078	(390.849.102.907) - (28.076.567.964)

3. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ kế toán hiện hành theo thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã trình bày lại các khoản mục sau:

Khoản mục	Mã số	BCTC năm 2010	BCTC năm 2009	Chênh lệch
		Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất 01/01/2010	Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất 31/12/2009	
Nợ ngắn hạn	310	459.171.535.637	451.532.241.130	7.639.294.507
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	7.639.294.507	-	7.639.294.507
Nguồn kinh phí quỹ khác	430	-	7.639.294.507	(7.639.294.507)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	-	7.639.294.507	(7.639.294.507)

4. Ảnh hưởng của thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành

Như đã trình bày ở thuyết minh số VI.15, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo thông tư 201, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS10. Ảnh hưởng như sau:

Bản cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
Tài sản dài hạn khác	260	136.543.160.922	77.785.481.358	58.757.679.563
Chi phí trả trước dài hạn	261	133.146.416.038	74.388.736.475	58.757.679.563
Vốn chủ sở hữu	410	1.172.136.293.916	1.113.378.614.352	58.757.679.563
Lợi nhuận chưa phân phối	420	(285.912.364.687)	(344.670.044.251)	58.757.679.563

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
<b>Năm 2010</b>				
Chi phí tài chính	22	172.555.098.165	211.504.292.322	(38.949.194.157)
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế TNDN	50	826.021.083	(38.123.173.075)	38.949.194.157
<b>Năm 2009</b>				
Chi phí tài chính	22	161.851.164.342	181.659.649.748	(19.808.485.406)
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế TNDN	50	(362.706.251.656)	(382.514.737.062)	19.808.485.406

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

5. *Thông tin về hoạt động liên tục:* công ty vẫn tiếp tục các hoạt động của mình trong tương lai

Chỉ tiêu	31/12/2010	01/01/2010
a. Khả năng thanh toán hiện hành	0,34	0,34
b. Khả năng thanh toán nhanh	0,01	0,02
	Năm 2010	Năm 2009
c. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	206.409.683.950	(874.414.748.388)

Các chỉ số về khả năng thanh toán và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh năm 2010 so với năm 2009 của công ty cho thấy tình hình hoạt động của Công ty đã có chuyển biến tốt hơn. Tuy nhiên chỉ số về khả năng thanh toán còn ở mức thấp (nhỏ hơn 0,5) cho thấy công ty vẫn còn gặp khó khăn trong việc thanh toán trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Ban Tổng Giám Đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

1. Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh tại thời điểm 31/12/2010 là rất thấp. Tuy nhiên Ban Tổng Giám Đốc đã có kế hoạch duy trì luồng tiền đầu tư nhờ vào việc áp dụng các biện pháp:

- Thỏa thuận điều chỉnh lịch thanh toán của Ngân hàng, các tổ chức tín dụng và Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy Việt Nam.

- Tìm kiếm các nguồn vốn mới như vay vốn thêm các ngân hàng trong thời gian trung hạn.

- Kết hợp với nhà quản lý tại Singapore thông qua công ty Trust Maritime để kiểm soát và giảm bớt chi phí đội tàu và thực hiện các hoạt động khác nhằm đem lại lợi nhuận cho công ty.

2. Ban Tổng giám đốc đã kêu gọi hợp tác đầu tư và sẽ bán một số dự án bất động sản để tăng luồng tiền đảm bảo duy trì hoạt động của công ty

3. Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.

4. Theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2010 ngày 16 tháng 6 năm 2010, Công ty có dự định tăng vốn đầu tư từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm 2010 và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi trong nước và ngoài nước để thực hiện các dự án tại Mê Linh, Long An.

6. *Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ*

Theo công văn số 185/UBCK-PTTT của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 01 năm 2011, Công ty Việt Hải được chuyển nhượng 5.168.686 cổ phiếu VSP từ tập đoàn Vinashin sang công ty Việt Hải để cản trừ công nợ thông qua hệ thống chuyển nhượng của trung tâm lưu ký CK. Sau khi hoàn tất chuyển nhượng, số cổ phiếu này được xem là cổ phiếu quỹ của công ty Việt Hải. Trong tổng số 5.168.686 cổ phiếu VSP chuyển quyền sở hữu, nếu có tỉ lệ góp vốn bằng thương hiệu của Vinashin thì công ty Việt Hải chịu trách nhiệm thực hiện khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền về xử lý vốn góp bằng thương hiệu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

7. Thông tin khác

Công ty con có vốn đầu tư 100% từ công ty CP Đầu tư vận tải dầu khí Vinashin là công ty TNHH Một thành viên vận tải biển Nam Việt tiến hành thủ tục giải thể theo quyết định số 124/QĐ-Shinpetrol ngày 14/01/2010 của HĐQT. Toàn bộ tài sản, nhân sự chuyển về công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin nay là Công ty Cổ Phần Vận tải biển và Bất Động Sản Việt Hải kể từ ngày 14/01/2010.

Hiện tại công ty TNHH Một thành viên vận tải biển Nam Việt đang tiến hành hoàn tất thủ tục giải thể.

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HẢI TÀO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011



Tổng Giám đốc

NGUYỄN DUY HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>9.644.554.308</b>	<b>2.420.114.996</b>	<b>2.498.200.909.694</b>	<b>1.136.725.059</b>	-	<b>2.511.402.304.057</b>
- Mua trong năm	79.601.000	88.726.727	2.575.986.789	1.471.222.323	-	4.215.536.839
- ĐT XDCB h. thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	568.421.042	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.724.155.308</b>	<b>1.940.420.681</b>	<b>2.500.776.896.483</b>	<b>2.607.947.382</b>	-	<b>2.515.049.419.854</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>928.982.463</b>	<b>997.140.737</b>	<b>438.290.747.883</b>	<b>652.065.971</b>	-	<b>440.868.937.054</b>
- Khấu hao trong năm	1.059.308.903	400.993.652	167.434.298.723	673.142.643	-	169.567.743.921
- Thanh lý, nhượng bán	-	170.526.312	-	-	-	170.526.312
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.988.291.366,00</b>	<b>1.227.608.077</b>	<b>605.725.046.606</b>	<b>1.325.208.614</b>	-	<b>610.266.154.663</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	8.715.571.845	1.422.974.259	2.059.910.161.811	484.659.088	-	2.070.533.367.003
Số dư cuối năm	7.735.863.942	712.812.604	1.895.051.849.877	1.282.738.767	-	1.904.783.265.190

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.893.548.710.151 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 704.501.819 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ.

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

\* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO BỘ PHẬN CHÍNH YẾU: THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	<u>Kinh doanh và dịch vụ tàu biển</u>	<u>Kinh doanh gas</u>	<u>Tổng cộng toàn tập đoàn</u>
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	633.253.705.202	228.411.961.492	861.665.666.694
2. Các khoản giảm trừ	-	1.220.860.987	1.220.860.987
3. Doanh thu thuần	633.253.705.202	227.191.100.505	860.444.805.707
4. Giá vốn hàng bán	444.359.051.061	213.595.680.824	657.954.731.885
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	188.894.654.141	13.595.419.681	202.490.073.822
6. Tài sản bộ phận	2.525.544.238.649	143.560.599.875	2.669.104.838.524
7. Tài sản không phân bổ			712.527.638.164
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>3.381.632.476.688</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	148.144.160.180	94.657.555.728	242.801.715.908
9. Nợ phải trả không phân bổ			1.964.150.078.240
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>2.206.951.794.148</b>

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.119.863.522.609</b>	<b>1.137.944.085.961</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>459.974.423</b>	<b>2.982.885.223</b>
1. Tiền	111		459.974.423	2.982.885.223
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>1.056.136.732.480</b>	<b>1.078.551.077.870</b>
1. Phải thu khách hàng	131		35.794.942.631	3.437.376.979
2. Trả trước cho người bán	132		545.183.317.644	643.856.280.133
3. Phải thu nội bộ	133		465.257.685.174	422.345.458.757
4. Các khoản phải thu khác	138		9.900.787.031	14.911.962.001
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(6.000.000.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>43.036.082.459</b>	<b>44.847.515.694</b>
1. Hàng tồn kho	141		43.036.082.459	44.847.515.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>20.230.733.247</b>	<b>11.562.607.174</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.052.079.928	919.834.153
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.114.074.098	10.090.842.046
3. Các khoản thuế phải thu	154		3.551.988.116	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		512.591.105	551.930.975
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.639.977.930.526</b>	<b>2.690.954.488.671</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.180.000</b>	<b>6.180.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	213		6.180.000	6.180.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.414.644.896.995</b>	<b>2.570.643.579.628</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.6.1</b>	1.891.518.903.163	2.058.701.785.183
- Nguyên giá	222		2.497.477.779.826	2.497.628.919.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(605.958.876.663)	(438.927.134.180)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.6.2</b>	5.934.888.860	6.444.222.200
- Nguyên giá	228		10.433.000.000	10.433.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.498.111.140)	(3.988.777.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.7</b>	517.191.104.972	505.497.572.245

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		142.176.827.116	76.280.927.116
1. Đầu tư vào công ty con	251		140.533.400.000	74.637.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.643.427.116	1.643.427.116
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		83.150.026.415	44.023.801.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		79.753.281.531	40.242.616.874
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.396.744.883	3.781.185.053
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>3.759.841.453.135</u></b>	<b><u>3.828.898.574.632</u></b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.110.682.588.241</b>	<b>2.181.729.651.862</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>348.900.562.495</b>	<b>380.394.842.660</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	174.618.110.159	280.340.572.338
2. Phải trả cho người bán	312	V.9	83.413.786.816	31.216.142.585
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	63.159.077.393	975.894.967
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	484.279.867	10.449.573.346
5. Phải trả công nhân viên	315		2.778.102.718	4.053.408.203
6. Chi phí phải trả	316	V.11	5.580.703.667	42.343.670.010
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	11.318.290.701	3.376.286.704
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		7.548.211.174	7.639.294.507
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.761.782.025.746</b>	<b>1.801.334.809.202</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.12	36.241.928.880	38.338.662.480
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.725.383.176.781	1.762.961.532.937
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	337		156.920.085	34.613.785
<b>B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.649.158.864.893</b>	<b>1.647.168.922.770</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>1.649.158.864.893</b>	<b>1.647.168.922.770</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.844.890.000	380.844.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(701.139.065)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.380.796.407	31.380.796.407
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		192.034.317.551	189.343.236.363
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.759.841.453.135</b>	<b>3.828.898.574.632</b>

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TÀO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2011



Tổng Giám đốc

NGUYỄN DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	665.752.299.973	326.321.644.196
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		665.752.299.973	326.321.644.196
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	505.348.482.299	258.971.513.349
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		160.403.817.674	67.350.130.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	22.921.016.342	82.273.894.964
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	160.975.821.130	146.188.074.937
Trong đó: chi phí lãi vay	23		148.303.369.210	130.178.379.326
8. Chi phí bán hàng	24		2.069.207.017	21.094.418.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.418.982.032	15.559.632.518
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		1.860.823.837	(33.218.099.862)
11. Thu nhập khác	31		4.062.519.262	8.776.774.796
12. Chi phí khác	32		2.847.821.741	6.948.722.953
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.214.697.521	1.828.051.843
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		3.075.521.358	(31.390.048.019)
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		384.440.170	(3.281.185.053)
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.691.081.188	(28.108.862.966)

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG